

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: **2409**/UBND-KTN

V/v cầu dân sinh đưa vào
danh mục cầu Dự án LRAMP
đề nghị vay vốn của Ngân
hàng Thế giới (WB)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 01 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Ban Quản lý dự án 6.

Theo Văn bản số 1239/BQLDA6-ĐHDA1 ngày 20/5/2015 của Ban Quản lý dự án 6 về việc lựa chọn cầu dân sinh đưa vào danh mục cầu Dự án LRAMP đề nghị vay vốn của Ngân hàng Thế giới (WB); Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị danh mục các cầu dân sinh theo Phụ lục đính kèm.

UBND tỉnh Bình Định thông báo để Ban Quản lý dự án 6 tổng hợp danh mục báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GTVT;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Ngô Đông Hải;
- Sở GTVT;
- CVP, PVPCN;
- Lưu VT, K19 (M.9b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI HỌ CHỦ TỊCH**



Ngô Đông Hải

Phụ lục

DANH MỤC CẦU DÂN SINH
(Kèm theo văn bản số 409/UBND-KTN ngày 04/6/2015 của UBND tỉnh Bình Định)

Thứ tự ưu tiên xây dựng đề nghị	Tên cầu	Huyện	Xã	Loại cầu đề xuất		Khổ cầu (m)	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài (m)	Khái toán (tỷ đồng)			Ghi chú
				Cầu treo	Cầu cứng				Xây lắp (tỷ đồng)	Chi khác (tỷ đồng)	Tổng cộng	
1	Đồng Miếu	Vân Canh	Canh Vinh		x	2,5	1x6	6	0,4	0,088	0,488	
2	Suối Bùn	Vân Canh	Canh Hiến		x	2,5	5x20	100	6,3	1,197	7,497	
3	Lỗ Đàm	Vân Canh	Canh Hiến		x	2,5	3x20+2x15	90	5,6	1,064	6,664	
4	Suối Nguồn	Vân Canh	Canh Liên		x	2,0	1x9	9	0,5	0,11	0,61	
5	Suối Ba Cay	Vân Canh	Canh Liên		x	2,0	1x9	9	0,5	0,11	0,61	
6	Hóc Bà Rong	Vân Canh	Canh Thuận		x	2,5	15+20+20+15	70	4,4	0,836	5,236	
7	Cây Sung	Tây Sơn	Tây Xuân		x	2,5	10x12	120	7,5	0,425	7,925	
8	Mương Đỗ thôn Phú Hiệp	Tây Sơn	Tây Phú		x	3,5	1x9	9	0,8	0,176	0,976	
9	Hà Nghe-nhánh 2 làng Kon Mon	Tây Sơn	Vĩnh An		x	2,5	3x20	60	3,8	0,722	4,522	
10	Suối thôn Gò Đồn	An Lão	An Tân		x	2,5	6+20	26	1,6	0,304	1,904	
11	Nước Pa Râu	An Lão	An Vinh		x	2,5	6+20	26	1,6	0,304	1,904	
12	Suối Môn	An Lão	An Vinh		x	2,5	2x15	30	1,9	0,361	2,261	
13	Suối nổi xóm Dinh- xóm Tranh	Hoài Ân	Ân Hào Tây		x	2	6+20	26	1,3	0,247	1,547	
14	Hà Ra thôn Phú Trị	Hoài Ân	Ân Nghĩa		x	2	15+20+15	50	2,5	0,475	2,975	
15	Đại 9 thôn Vạn Hòa	Hoài Ân	Ân Hào Đông		x	2	15	15	0,8	0,176	0,976	
16	Đại Định	Hoài Ân	Ân Mỹ		x	3,5	9x20	180	15,8	2,844	18,644	
17	Đập Dầu	Phù Mỹ	Mỹ Châu		x	2,5	1x9	9	0,6	0,132	0,732	
18	Vực Sung	Hoài Nhơn	Hoài Sơn		x	2,5	2x15	30	1,9	0,361	2,261	
19	Ông Cồn thôn Mỹ Lợi	Quy Nhơn	Phước Mỹ		x	2,5	1x12	12	0,8	0,176	0,976	
20	Thôn 2 sang thôn Tmangghen	An Lão	An Hưng		x	3,5	9x12	108	9,5	1,805	11,305	
21	Đồng Lớn	An Lão	An Hưng		x	3,5	12x12	144	12,6	2,268	14,868	
22	Tân Xuân	Hoài Ân	Ân Hào Đông		x	3,5	11x12	132	11,6	2,088	13,688	
23	Nhơn Sơn	Hoài Ân	Ân Nghĩa		x	2,5	8x12	96	6,0	1,14	7,14	
24	Thanh Sơn	An lão	Ân Tân		x	3,5	15+11x20+15	130	8,9	1,691	10,591	
25	Nước Ly	An lão	Ân Vinh		x	3,5	3x20	60	5,3	1,007	6,307	
26	Gò Mít	An lão	TT An Lão		x	3,5	10x12	120	10,5	1,89	12,39	

7/2

Thứ tự ưu tiên xây dựng đề nghị	Tên cầu	Huyện	Xã	Loại cầu đề xuất		Khổ cầu (m)	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài (m)	Khái toán (tỷ đồng)			Ghi chú
				Cầu treo	Cầu cứng				Xây lắp (tỷ đồng)	Chi khác (tỷ đồng)	Tổng cộng	
27	Nước Giáp	An lão	An Hòa		x	3,5	10x12	120	10,5	1,89	12,39	
28	Vĩnh Hòa	Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Hòa		x	3,5	15+12x20+15	270	23,6	4,012	27,612	
29	Làng O3	Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Kim		x	3	6x20	120	9,0	1,71	10,71	
30	Làng O5	Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Kim		x	3,5	4x20	80	7,0	1,33	8,33	
31	Chánh Hiền	Vân Canh	Canh Hiền		x	3,5	5x20	100	8,8	1,672	10,472	
32	Suối Diếp	Vân Canh	Canh Hòa		x	3,5	15+20+15	50	4,4	0,836	5,236	
33	Long Quang	Hoài Ân	Ân Mỹ		x	3,5	9x20	180	15,8	2,844	18,644	
34	Xóm I	Hoài Ân	Ân Mỹ		x	3,5	11x20	220	19,3	3,474	22,774	
35	Vĩnh Đức	Hoài Ân	Ân Tín		x	3,5	15+11x20+15	250	21,9	3,723	25,623	
36	Phú Khương	Hoài Ân	Ân Tường Tây		x	3,5	10x20	200	17,5	3,15	20,65	
37	Phú Bình	Hoài Ân	Ân Nghĩa		x	2,5	5x20	100	6,3	1,197	7,497	
38	Gò Chò	Hoài Ân	Ân Nghĩa		x	2,5	4x20	80	5,0	0,95	5,95	
39	Đồng Quang	Hoài Ân	Ân Nghĩa		x	2,5	5x20	100	6,3	1,197	7,497	
40	Cây Dừa	Hoài Ân	Ân Nghĩa		x	2,5	4x20	80	5,0	0,95	5,95	
41	Bến Nước Nai	Phù Cát	Cát Sơn		x	3,5	15+20+15	50	4,4	0,836	5,236	
42	Suối Đục	Phù Cát	Cát Lâm		x	3,5	5x12	60	5,3	1,007	6,307	
43	Lỗ Khâu	Phù Cát	Cát Lâm		x	3,5	5x12	60	5,3	1,007	6,307	
Tổng cộng								3787	298,4	53,782	352,182	

yc